

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 9 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Hồng Thảo,

2. Ông Nguyễn Tấn Hậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồ Anh Vũ - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 235/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 383/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 369/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Lan Th, sinh năm 1995;

Cư trú: Số 123/18C, khóm Đ, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1993;

Cư trú: Số 735/1C, khóm Đ1, phường X1, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Tại phiên tòa bà Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà Th và ông Nguyễn Thành P tự nguyện quen biết, tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc có với nhau ba đứa con rồi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Ông P thường xuyên uống rượu say xỉn, không quan tâm chăm sóc vợ con, bà Th đã nhiều lần khuyên can mà không được. Ông P không có nghề nghiệp riêng, mà làm chung phụ giúp cha mẹ chồng buôn bán vừa rau củ, cha mẹ chồng cho bao nhiêu thì có bấy nhiêu, nhưng ông P không có đưa cho bà Th chi tiêu sinh hoạt trong gia đình hay chăm lo cho con mà ông P tiêu xài cá nhân, ăn chơi hưởng thụ một mình. Ông P cờ bạc nợ nần rồi về kêu bà Th lấy tiền trả nợ. Từ lúc bà Th có bầu và sinh bé thứ ba đến nay ông P cũng không quan tâm hỏi han gì đến con. Ông, bà nội thì xuống thăm được vài lần. Nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng bà Th không thể chịu đựng được nữa, không thể chung sống được. Nên bà Th kiên quyết yêu cầu ly hôn ông P.

Về con chung: bà Th và ông P có 03 con chung tên Nguyễn Đức D, sinh ngày 09 tháng 03 năm 2017; Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2020; Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 30 tháng 06 năm 2022. Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi con. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Bà Th yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th và ông P không có gì chung, nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Thành P trình bày:*

Ông không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương vợ con. Vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì cả, từ khi sinh con đứa thứ nhất thì vợ chồng về ở nhà mẹ vợ, do vợ ông không hợp với gia đình chồng. Thời gian ở với gia đình vợ ông P không có mâu thuẫn gì; nếu có cự cãi thì chỉ cự cãi nhẹ thôi, rồi ông P ôm đồ về nhà mẹ đẻ ở. Sau đó thì không có gì cả. Vợ chồng không có mâu thuẫn lớn nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì 03 đứa con ông đồng ý giao vợ nuôi, nhưng ông không cấp dưỡng gì cả. Vợ chồng không có tài sản chung hay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

*Tại phiên tòa:*

- Bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến.

- Ông P vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: bà Th và ông P tự nguyện quen biết tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì bà Th, ông P phát sinh mâu thuẫn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc như bà Th trình bày. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông P không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung thì bà Th và ông P có 03 con chung là cháu D sinh năm 2017, cháu Y sinh năm 2020, cháu Tr sinh năm 2022; xét thấy để đảm bảo ổn định về mặt tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên chấp nhận giao các con chung cho bà Th chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Lan Th và ông Nguyễn Thành P kết hôn có đăng ký kết hôn; bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn ông P là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Th và ông P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Th vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Th và ông P tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X1,

thành phố X. Bà Th cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng xuất phát từ việc ông P thường xuyên uống rượu say xỉn, không quan tâm chăm sóc vợ con; ông P không có nghề nghiệp ổn định, phụ thuộc vào kinh tế của cha mẹ, không phụ giúp bà Th lo chi tiêu gia đình mà còn gây nợ để bà Th phải lo trả, ông P chỉ biết tiêu xài, hưởng thụ cá nhân. Về phía ông P cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông còn yêu thương vợ con. Xét thấy: mặc dù Tòa sn đã hòa giải nhiều lần nhưng bà Th vẫn kiên quyết ly hôn; ông P không đưa ra được giải pháp hàn gắn; trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Th đã sinh con thứ ba, nhưng ông P không quan tâm thăm hỏi vợ con hay chăm lo cho hai con lớn để bà Th nghỉ thai sản chăm lo con nhỏ; ông P và bà Th cũng đã không còn chung sống. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà Th và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; vợ chồng đã không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: bà Th và ông P thống nhất vợ chồng có 03 con chung là các cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 09 tháng 03 năm 2017; Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2020; Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 30 tháng 06 năm 2022. Sau khi ly hôn bà Th yêu cầu được nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng. Ông P cũng thống nhất giao các con cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho con. Xét thấy: các con chung đều do bà Th nuôi dưỡng, chăm sóc từ trước đến nay. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc nuôi con chung. Về việc cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Th và ông P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Lan Th được ly hôn với ông Nguyễn Thành P.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Lan Th và ông Nguyễn Thành P có 03 (ba) con chung là các cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 09 tháng 03 năm 2017; Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2020; Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 30 tháng 06 năm 2022. Bà Nguyễn Thị Lan Th được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Đức D, Nguyễn Ngọc Như Y, Nguyễn Đức Tr.

Bà Nguyễn Thị Lan Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thành P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn có thể thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng: Không xem xét. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng cho con chung có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Lan Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001342 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p.X1, tp. X;
- (GCNKH số 22 ngày 10/4/2018)
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ****Nguyễn Thùy Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hồng Thảo**

**Nguyễn Tấn Hậu**

**Nguyễn Thùy Giang**